

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022
và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Hà Tĩnh**

(Kèm theo Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; căn cứ các Văn bản hướng dẫn số 5032/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022, số 5035/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đầu tư công năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 như sau:

Phần thứ nhất

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022

I. Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã - hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình số 14/CTr-UBND ngày 20/01/2022 kèm theo khung nhiệm vụ triển khai kế hoạch năm 2022, trong đó xác định thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; xác định cải thiện môi trường kinh doanh, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển là một trong 09 nhóm nội dung trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, tạo khung định hướng để các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Công điện số 126/CĐ-TTg ngày 19/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh vốn đầu tư công; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2022 cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, phân công rõ trách nhiệm, lộ trình để các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động triển khai thực hiện.

Xác định đẩy mạnh giải ngân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của các cấp, các ngành và cơ quan, đơn vị liên quan; là trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương nhằm góp phần kích cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, thu nhập cho người dân, doanh nghiệp và thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội khác; Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo, quán triệt tất cả các địa phương, đơn vị trong toàn tỉnh tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn; chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành kế hoạch, phân đấu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và các năm trước chuyển sang theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; thành lập 03 Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công (do các đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Tổ trưởng) triển khai kiểm tra, rà soát, kịp thời xử lý những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn liên quan đến triển khai, giải ngân và quản lý chất lượng công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh.

Thường trực Tỉnh ủy và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra, làm việc với các địa phương, đơn vị và trực tiếp chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch; đặc biệt là việc đôn đốc triển khai các dự án đầu tư lớn, trọng điểm trên địa bàn¹.

2. Tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được giao theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong 7 tháng đầu năm là 8.002,224 tỷ đồng, bằng 83,5% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó:

2.1. Vốn địa phương quản lý: 7.557,675 tỷ đồng, bao gồm:

a. Vốn cấp tỉnh quản lý: 5.884,684 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 3.704,94 tỷ đồng (trong đó, thu hồi vốn ứng trước là 2.090,557 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài (ODA): 817,337 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh: 1.362,407 tỷ đồng.

b. Vốn cấp huyện, cấp xã quản lý: 1.672,991 tỷ đồng.

2.2. Vốn Trung ương đầu tư trên địa bàn: 444,549 tỷ đồng.

Việc triển khai phân bổ, giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 đảm bảo phù hợp với hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền thông qua; tuân thủ quy định, thứ tự ưu tiên trong phân bổ, giao kế hoạch vốn NSNN năm 2022 theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022.

¹ Lãnh đạo UBND tỉnh đã tổ chức họp, kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai các dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn như: Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Bãi Vọt - Kỳ Anh; Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 2; Nhà máy sản xuất Pin VinES; Tiểu dự án đường liên xã Sơn Lễ - Sơn An - Sơn Tiến thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh (BIIG2); Đường miền núi liên huyện Hồng Lĩnh - Can Lộc - Lộc Hà; kiểm tra công tác triển khai dự án đầu tư công tại các huyện Đức Thọ, Nghi Xuân,..

3. Kết quả thực hiện và giải ngân các nguồn vốn:

Tổng giá trị giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh 07 tháng đầu năm 2022 (tính đến ngày 30/7/2022) đạt 2.988,872 tỷ đồng, bằng 37,5% kế hoạch, cao hơn bình quân chung cả nước (đạt 34,4%). Cụ thể theo các nhóm nguồn vốn như sau:

3.1. Vốn địa phương quản lý giải ngân 7 tháng đạt 2.819,056 tỷ đồng, bằng 37,3% kế hoạch; bao gồm:

a. Vốn cấp tỉnh quản lý giải ngân đạt 1.831,425 tỷ đồng, bằng 31,12% kế hoạch; trong đó:

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương giải ngân đạt 1.657,52 tỷ đồng, bằng 44,75% kế hoạch; trong đó, giải ngân vốn thu hồi ứng trước là 1.448,057 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài giải ngân đạt 60,994 tỷ đồng, bằng 7,46% kế hoạch.

- Vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh giải ngân đạt 112,61 tỷ đồng, bằng 7,46% kế hoạch.

b. Vốn cấp huyện, cấp xã quản lý giải ngân 07 tháng đạt 987,63 tỷ đồng, bằng 59,03% kế hoạch.

3.2. Vốn Trung ương đầu tư trên địa bàn giải ngân 07 tháng đạt 169,816 tỷ đồng, bằng 38,2% kế hoạch.

Nhìn chung, 7 tháng đầu năm 2022 các đơn vị, địa phương đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tuy vậy, tỷ lệ giải ngân giữa các nguồn vốn còn có sự chênh lệch khá lớn, còn nhiều công trình, dự án có tỷ lệ giải ngân đạt thấp. Để phấn đấu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao; thời gian tới cần tập trung đẩy mạnh hơn nữa trong việc triển khai thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng cơ bản; đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thiện thủ tục đầu tư, khẩn trương đấu thầu triển khai thi công đối với các dự án khởi công mới, các dự án ODA,...

II. Đánh giá các kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm 2022

1. Về các kết quả đạt được:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành, phân bổ vốn:

- UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022; tổ chức các phiên họp để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; quán triệt nhiệm vụ, giải pháp và chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kịp thời ban hành các Văn bản chỉ đạo, điều hành²; thường xuyên đôn đốc các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; đẩy nhanh tiến độ thi công

² Tại các Văn bản số: 34/UBND-NL ngày 05/01/2022; 14/CTr-UBND ngày 20/01/2022; 1484/UBND-GT ngày 19/4/2022; 1066/UBND-TH ngày 09/3/2022; 2050/UBND-TH ngày 27/4/2022; 2532/UBND-TH ngày 19/5/2022.

các công trình, dự án theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Trong chỉ đạo, điều hành phân bổ vốn đã cơ bản bám sát các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Việc phân bổ vốn cho các dự án tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Nguồn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung được phân bổ cho các địa phương, đơn vị theo đúng các nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ được HĐND tỉnh thông qua, đảm bảo công khai, minh bạch và hài hòa trong phân bổ nguồn lực đầu tư, góp phần thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương trong tỉnh.

b) Công tác thẩm định, phê duyệt, giải ngân nguồn vốn:

- Công tác thẩm định, phê duyệt dự án được thực hiện đúng quy định; thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án từng bước được nâng cao chất lượng. Công tác đấu thầu được kiểm soát chặt chẽ; hình thức lựa chọn nhà thầu áp dụng cho các gói thầu theo đúng quy định, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị tham dự thầu. Việc triển khai công tác đấu thầu qua mạng được thực hiện nghiêm túc theo lộ trình, tỷ lệ đấu thầu qua mạng các dự án cấp tỉnh quyết định đầu tư trong 7 tháng đầu năm 2022 đạt trên 98% tổng số gói thầu.

- Kết quả giải ngân nguồn vốn đầu tư công 7 tháng năm 2022 mặc dù thuộc nhóm khá của cả nước nhưng nhìn chung vẫn chưa đạt yêu cầu, vẫn còn nhiều nhóm nguồn vốn và dự án triển khai chậm, giải ngân thấp.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

2.1. Khó khăn, hạn chế:

- Theo quy định của Luật Xây dựng, các dự án khởi công mới được bố trí vốn đầu năm phải mất nhiều thời gian triển khai các thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán công trình mới đủ điều kiện để tổ chức đấu thầu thi công (ngay cả dự án không vướng mắc GPMB). Thời gian này thường mất từ 6 đến 8 tháng, do đó tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm.

- Đối với các dự án ODA: Ngoài việc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật trong nước, còn phải hoàn thiện thêm các hồ sơ thủ tục đầu tư, rút vốn, giải ngân,... theo các cam kết với nhà tài trợ dẫn đến quá trình hoàn thiện thủ tục đầu tư, rút vốn, giải ngân mất rất nhiều thời gian, công đoạn³.

³ như: (i) Thời gian lấy ý kiến không phản đối của các nhà tài trợ kéo dài (cơ chế ký kết, thanh toán đối với nhiều hợp đồng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải có ý kiến không phản đối của nhà tài trợ); (ii) Việc thực hiện theo các quy định bổ sung trong sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án ODA còn lúng túng và mất nhiều thời gian, như: quy định về tổ chức thẩm định thiết kế trong cây phân tán; quy định về cơ quan tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi phải thành lập Ban đánh giá,...; (iii) Luật Đấu thầu 2013 chưa có sự tích hợp với các quy định về đấu thầu của các tổ chức quốc tế (như WB, ADB, AFD,...), nhiều quy định về hình thức lựa chọn nhà thầu, hình thức hợp đồng,... còn có sự khác biệt..

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về đơn giá, phương án đền bù, khó khăn trong di dời các công trình tiện ích, chông chéo giữa quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành,... đây đang là nút thắt lớn đối với việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.

2.2. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Tình hình thời tiết không thuận lợi trong các tháng đầu năm (mưa nhiều); giá cả một số vật tư, nhiên, vật liệu liên tục tăng cao; tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, số ca mắc tăng đột biến sau Tết nguyên đán đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công các công trình trên địa bàn.

- Giá đất ở tăng đột biến tại một số địa phương gần đây đã dẫn đến một số công trình khi áp giá đền bù vượt chi phí GPMB dự tính ban đầu và vượt tổng mức đầu tư được duyệt nên phải xin điều chỉnh chủ trương và điều chỉnh dự án đầu tư làm kéo dài thời gian thi công.

- Năm 2021 địa phương tập trung bố trí vốn thu hồi ứng trước và chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn trước chuyển sang (không bố trí vốn khởi công mới); Năm 2022, sau khi bố trí vốn chuyển tiếp cho các dự án theo tiến độ, tình tập trung ưu tiên bố trí vốn cho các dự án khởi công mới; tuy vậy các tháng đầu năm, sau khi được giao vốn, các dự án mới bắt đầu triển khai được công tác phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công, dự toán,.. chưa có khối lượng thanh toán dẫn đến tiến độ giải ngân chung 7 tháng đầu năm còn chậm⁴.

- Các dự án chuyển tiếp được bố trí kế hoạch vốn năm 2022 chủ yếu là các dự án lớn, có giá trị gói thầu trên 20 tỷ đồng và được áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; theo đó việc chờ cập nhật, điều chỉnh giá hợp đồng do biến động giá nhiên, vật liệu trong 7 tháng đầu năm cũng ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Một số địa phương, đơn vị chưa thực sự vào cuộc chỉ đạo quyết liệt trong triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, ... vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chưa cao; chưa khẩn trương trong việc hoàn thành thủ tục đầu tư dự án, đề xuất nhu cầu phân bổ kế hoạch vốn chưa sát với thực tế triển khai. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp và chủ đầu tư chưa tốt trong quá trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Nhiều chủ đầu tư chưa thường xuyên đôn đốc nhà thầu triển khai thi công, hoàn thiện các thủ tục, nghiệm thu, hoàn tạm ứng khối lượng, thanh toán, quyết toán dự án; vẫn còn tâm lý, thói quen tập trung thanh toán vào những tháng cuối

⁴ Theo quy định của Luật Đấu thầu căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu là quyết định phê duyệt dự án và nguồn vốn cho dự án; dẫn đến các dự án được giao kế hoạch trung hạn nhưng chưa giao kế hoạch hằng năm không thể triển khai trước công tác lựa chọn nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân nguồn vốn.

năm đặc biệt là những công trình quy mô nhỏ, tổng mức đầu tư thấp; năng lực của các nhà thầu, tư vấn còn hạn chế, chưa tập trung xử lý triệt để công tác đền bù giải phóng mặt bằng... dẫn đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm so với yêu cầu.

V. Nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai những tháng cuối năm 2022:

Để phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong việc triển khai, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, thu nhập cho người dân, doanh nghiệp và thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội khác trong năm kế hoạch 2022; các cấp, các ngành cần xác định việc đẩy mạnh giải ngân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, là trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị; cần phải bám sát tình hình thực tế triển khai của từng dự án để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kịp thời, đúng hướng, khả thi và hiệu quả; tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 tại các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, ngân sách nhà nước năm 2022; đồng thời tập trung triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

1. Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư, đấu thầu, khởi công các công trình khởi công mới; đặc biệt là các dự án đã được giao kế hoạch vốn từ đầu năm. Chậm nhất đến ngày 30/9/2022 phải hoàn thành công tác đấu thầu và khởi công tất cả các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn.

2. Tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian thẩm định dự án, thiết kế cơ sở..., đảm bảo tối đa không quá 05 ngày/khâu thẩm định; rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục phê duyệt quy hoạch, cấp phép xây dựng,... để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

3. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xác định công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là nút thắt quan trọng trong triển khai dự án; cần huy động cả hệ thống chính trị của địa phương vào cuộc, phối hợp, xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc, thực hiện nhanh công tác bàn giao mặt bằng phục vụ triển khai dự án; không được để tình trạng dự án chờ mặt bằng, nhất là các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh.

4. Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích có đủ điều kiện; phần vốn còn lại mới bố trí cho phần xây lắp và chi phí khác; tuyệt đối không cho nhà thầu tạm ứng vốn khi chưa bàn giao mặt bằng hoặc chưa đảm bảo các điều kiện khởi công công trình theo quy định của Pháp luật về xây dựng.

5. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc; phối hợp với đơn vị thi công lập đường găng tiến độ chi tiết cho từng dự án để chỉ đạo, theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình thi công; yêu cầu nhà thầu phải có văn bản cam kết tiến độ thực hiện đối với từng hạng mục công trình, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm việc vi phạm về tiến độ cũng như chất lượng công trình; trường hợp cần thiết, chấm dứt hợp đồng và thay thế ngay các nhà thầu khác. Khẩn trương hoàn thiện các hồ

sơ, thủ tục pháp lý, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước và hoàn ứng theo quy định; không để dồn thanh toán vào cuối năm.

6. Thực hiện rút, điều chuyển kế hoạch vốn của các dự án có tiến độ thực hiện chậm, tỷ lệ giải ngân không đạt yêu cầu để bố trí cho các dự án có tiến độ triển khai tốt, giải ngân nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2022 nhưng chưa được bố trí đủ vốn, đảm bảo giải ngân 100% vốn ngân sách nhà nước được giao năm 2022.

7. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

8. Phát động phong trào thi đua ở từng cấp, ngành, cơ quan, đơn vị để tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, coi đây là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022, là căn cứ để đánh giá năng lực cán bộ, bình xét thi đua khen thưởng, kỷ luật đối với cá nhân, tổ chức./.

Phần thứ hai

Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023

I. Mục tiêu, định hướng đầu tư công năm 2023

Trên cơ sở quán triệt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo nội dung quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIX, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và tình hình thực tiễn của địa phương, kế hoạch đầu tư công năm 2023 tiếp tục ưu tiên đầu tư theo những nhóm nhiệm vụ sau:

1.1. Thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, năm chương trình trọng điểm và ba đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX:

- Huy động mọi nguồn lực tập trung xây dựng hạ tầng đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông trọng yếu, Khu kinh tế Vũng Áng, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, hình thành các trục phát triển, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, xây dựng tỉnh nông thôn mới kết nối với đô thị.

- Đầu tư phát triển, chỉnh trang và nâng cao chất lượng đô thị. Xây dựng thành phố Hà Tĩnh có quy mô, kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, thông minh, phấn đấu trở thành một trong những đô thị trung tâm vùng Bắc Trung Bộ.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, giáo dục quan trọng của địa phương.

1.2. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về đầu tư công; đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước:

- Tập trung bố trí đủ vốn để thanh toán nợ xây dựng cơ bản, hoàn trả các khoản ứng trước chưa thu hồi; bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang, chuyển tiếp do cấp tỉnh quyết định đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang năm 2023 và giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

1.3. Đảm bảo cân đối đủ nguồn lực để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương trong kế hoạch đầu tư công năm 2023.

II. Dự kiến nhu cầu cầu và khả năng cân đối kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2023

Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đề xuất của các đơn vị, chủ đầu tư; Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 với những nội dung chính như sau:

Tổng nhu cầu đầu tư vốn ngân sách Nhà nước kế hoạch năm 2023 là **7.120,738 tỷ đồng⁵**. Bao gồm:

1. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước: 7.110,738 tỷ đồng. Trong đó:

a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 3.063,738 tỷ đồng. Bao gồm:

- Vốn ngân sách XDCB tập trung: 1.275 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.500 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 10 tỷ đồng;
- Bội chi ngân sách địa phương: 278,738 tỷ đồng.

b) Vốn ngân sách Trung ương: 4.047 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương trong nước: 3.470,397 tỷ đồng. Trong đó: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 810 tỷ đồng; Các Chương trình mục tiêu quốc gia là 400,463 tỷ đồng; Vốn đầu tư theo các ngành, lĩnh vực là 2.259,934 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài (ODA): 576,603 tỷ đồng.

2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật: 10 tỷ đồng..

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).

⁵ Nếu loại trừ phần vốn thu hồi ứng trước nguồn NSTW thì tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2023 tăng 18% so với kế hoạch vốn đã được bố trí năm 2022.

III. Nguyên tắc bố trí vốn

- Việc bố trí vốn NSNN năm 2023 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 bao gồm: (i) kế hoạch của các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và (ii) kế hoạch vốn của nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, khắc phục triệt để tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021 và dự kiến giải ngân năm 2022 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022).

- Việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

(i) Bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước nguồn NSTW còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

(ii) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 để phát huy hiệu quả đầu tư;

(iii) Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

(iv) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

(v) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư và được chuẩn bị kỹ để sẵn sàng triển khai thực hiện.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023:

Để triển khai kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 đảm bảo mục tiêu đúng tiến độ, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; các ngành, các cấp cần quán triệt và thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các Chỉ thị của Bộ, ngành Trung ương về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, ngân sách nhà nước năm 2023; đồng thời tập trung triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

1. Thực hiện giao kịp thời kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai kế hoạch đầu tư năm 2023 ngay từ đầu năm.

Việc phân bổ nguồn vốn nhất là các nguồn vốn ngân sách địa phương, thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nhằm kiểm soát chặt chẽ tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản, tuyệt đối không để phát sinh nợ; đảm bảo bố trí đủ vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ đã quy định.

2. Tăng cường quản lý chặt chẽ các khâu đầu tư công, nhất là việc thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án; kiểm soát chặt chẽ công tác đấu thầu, khuyến khích áp dụng việc lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi đối với những gói thầu trong hạn mức được chỉ định thầu, nhằm lựa chọn được những nhà thầu đủ năng lực, có kinh nghiệm đồng thời tạo sự minh bạch, công khai trong đấu thầu; tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định về đấu thầu qua mạng. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trong quản lý xây dựng cơ bản ở tất cả các khâu.

3. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị thực hiện nhanh và kịp thời công tác giải phóng mặt bằng phục vụ cho việc triển khai các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án lớn, trọng tâm của tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư để tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; chỉ đạo xử lý kiên quyết, cương chế và bảo vệ thi công đối với những trường hợp cố tình không chấp hành mặc dù đã được giải quyết các chế độ, chính sách theo đúng quy định. Xác định mặt bằng là nút thắt quan trọng trong triển khai dự án, cần toàn tâm, dốc sức thực hiện; xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, không được để tình trạng dự án chờ mặt bằng.

4. Thường xuyên theo dõi, nắm tiến độ và chỉ đạo kịp thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Định kỳ rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư, kiên quyết xử lý các dự án triển khai chậm để điều chuyển kế hoạch vốn cho các dự án cấp bách, các dự án triển khai nhanh, có khối lượng hoàn thành lớn nhưng đang còn thiếu vốn. Kiểm soát chặt chẽ, kịp thời hướng dẫn các chủ đầu tư trong việc triển khai các thủ tục nhập nguồn theo đúng kế hoạch giao, góp phần đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn.

5. Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là vốn từ doanh nghiệp, dân cư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, cung cấp dịch vụ công, ... nhằm huy động, bổ sung thêm nguồn vốn để tạo bước đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư và phát triển doanh nghiệp; mở rộng tối đa phạm vi và cơ hội cho đầu tư tư nhân, nhất là đầu tư trong nước, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng.

7. Đi đôi với việc ưu tiên bố trí vốn để giải quyết nợ đọng, các ngành, địa phương phải tăng cường các biện pháp để không phát sinh nợ đọng mới, nhất là trong xây dựng nông thôn mới. Các dự án đã được quyết định đầu tư phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao. Tuyệt đối không yêu cầu đơn vị thi công tự bỏ vốn thi công khi chưa được bố trí kế hoạch vốn hoặc bỏ vốn cao hơn mức vốn kế hoạch giao dẫn đến phát sinh nợ đọng XDCB.3

8. Tiếp tục đốc thúc, đẩy mạnh công tác quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

9. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; trong đó, phải đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

Trên đây là một số nội dung báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu VT, TH₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Trọng Hải

**Phụ lục 01: ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
	TỔNG SỐ	7.437.308	3.252.288	7.036.891	28.155.545	810.000	7.120.738	
1	Vốn NSNN	7.437.308	3.252.288	7.036.891	28.145.545	810.000	7.110.738	
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2.713.390	966.250	2.645.403	13.074.901	-	3.063.738	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	596.090	178.000	596.090	3.360.200	-	1.275.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.800.000	772.234	1.800.000	8.000.000	-	1.500.000	
-	Xổ số kiến thiết	11.000	-	11.000	50.000	-	10.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	306.300	16.016	238.313	1.664.701	-	278.738	
b)	Vốn ngân sách trung ương	4.723.918	2.286.039	4.391.488	15.070.644	810.000	4.047.000	
-	Vốn trong nước	3.974.318	2.141.645	3.974.318	11.865.814	810.000	3.470.397	
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>					810.000	810.000	
-	Vốn nước ngoài	749.600	144.394	417.170	3.204.830		576.603	
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật				10.000		10.000	

Phụ lục 02: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 BỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Bam hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2022		Năm 2023		Tổng số	Quốc phòng	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			
			TMBT	Kh hợp	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022	Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022	KH đầu tư trong hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Nhu cầu kế hoạch 2023						
I	QUỐC PHÒNG	143.376	95.000	63.000	53.000	53.000	114.000	95.000	78.000	78.000	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			
												14.101.181	11.832.804	3.598.850
II	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	143.376	95.000	63.000	53.000	53.000	114.000	95.000	78.000	78.000	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			
												790/QĐ-UBND, 31/2/2016; 246/QĐ-UBND, 26/2/2021; 2798/QĐ-UBND, 05/8/202	1790/QĐ-UBND, 24/6/2016; 31/2/2016; 246/QĐ-UBND, 26/2/2021; 2798/QĐ-UBND, 05/8/202	143.376
III	Y TẾ, DẪN SỞ VÀ GIA ĐÌNH	230.000	175.000	45.000	45.000	45.000	45.980	45.000	175.000	45.000	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			
												1078/ 25/5/2022	1078/ 25/5/2022	80.000
IV	VĂN HÓA	170.959	66.996	15.000	15.000	15.000	84.758	61.996	30.000	30.000	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023			
												14/3/2022	572/ 14/3/2022	60.000
I	Dự án Trung tâm Sân chơi tại Bức tường văn hóa tỉnh Hà Tĩnh	1008/ 13/5/2022	120.000	30.000	30.000	30.000	30.560	30.000	120.000	30.000	Dự án Trung tâm Sân chơi tại Bức tường văn hóa tỉnh Hà Tĩnh			
												1008/ 13/5/2022	1008/ 13/5/2022	170.000
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (Giai đoạn 2)	1078/ 25/5/2022	80.000	65.000	15.000	15.000	15.500	15.000	65.000	15.000	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023			
												1078/ 25/5/2022	1078/ 25/5/2022	80.000
1	Dự án Trung tâm Văn hóa và Thể thao tại huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	1008/ 13/5/2022	170.000	120.000	30.000	30.000	30.560	30.000	120.000	30.000	Dự án Trung tâm Văn hóa và Thể thao tại huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh			
												1008/ 13/5/2022	1008/ 13/5/2022	170.000
1	Dự án xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	90.000	72.700	570	570	570	570	72.700	570	Dự án xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh			
												254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	90.000
I	Danh mục dự án khác công nghệ năm 2023	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	90.000	72.700	570	570	570	570	72.700	570	Dự án đăng hình ảnh trên mạng xã hội			
												254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	90.000

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Năm cầu kế hoạch 2023			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ینگ trước			Tổng số	Trong đó: Thu hồi ینگ trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ینگ trước				
																Tổng số		Trong đó: Thu hồi ینگ trước
1	Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đai thị hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3161/QĐ-UBND; 31/10/2017, 2798; QĐ-UBND; 05/8/2021	170.959	66.996	15.000	15.000	15.000	15.000	84.758	61.996	30.000		25.000		5.000	5.000		Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân để hoàn thành dự án trong năm 2023
V	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		1.328.070	920.523	85.000	85.000	85.000	85.000	357.820	250.523	785.000	-	100.000	-	260.000	260.000	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																	
1	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản xã Mai Phú và Hộ Độ, huyện Lộc Hà	2000/QĐ-UBND; 18/7/2016, 2798; QĐ-UBND; 05/8/2021	61.315	35.000	15.000	15.000	15.000	15.000	48.495	25.000	25.000		15.000		10.000	10.000		Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân để hoàn thành dự án trong năm 2023
2	Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho Nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê	1092/QĐ-UBND; 09/5/2016, 2798; QĐ-UBND; 05/8/2021	229.465	135.523	40.000	40.000	40.000	40.000	207.970	135.523	70.000		55.000		15.000	15.000		Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân để hoàn thành dự án trong năm 2023
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																	
1	Xử lý cấp bách đê tá Nghèn, huyện Lộc Hà	3235; 24/9/2021	182.290	120.000	30.000	30.000	30.000	30.000	92.355	90.000	60.000		30.000		30.000	30.000		
c	Danh mục dự án khởi công mới năm 2023																	
1	Dự án ưu tiên trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	94/HĐND; 29/3/2017 16/NQ-HĐND; 17/7/2021	120.000	70.000	-	-	-	-	2.000	-	70.000		-		30.000	30.000		
2	Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	16/NQ-HĐND; 17/7/2021	485.000	360.000	-	-	-	-	3.000	-	360.000		-		100.000	100.000		
3	Dự án Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh	16/NQ-HĐND; 17/7/2021	250.000	200.000	-	-	-	-	4.000	-	200.000		-		75.000	75.000		
VI	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		7.712.063	7.526.543	2.243.057	2.243.057	2.243.057	2.243.057	1.471.303	1.467.093	4.640.707	4.210.707	3.557.650	3.405.150	980.537	980.537	805.557	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước				
																Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
1	Bồi thường GPMB, tái định cư DA Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương, Hà Tĩnh	2925/QĐ-UBND, 20/10/2008; 683/QĐ-UBND, 10/3/2013	7.096.543	7.096.543	2.090.557	2.090.557	2.090.557	2.090.557	1.314.593	1.314.593	4.210.707	4.210.707	3.405.150	3.405.150	805.557	805.557	805.557	
c	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																	
1	Dự án Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	756; 12/4/2022	450.520	295.000	75.000	75.000	75.000	75.000	76.560	75.000	295.000		75.000		150.000	150.000		
2	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên	2809; 05/8/2021	80.000	65.000	60.000	60.000	60.000	60.000	61.300	60.000	65.000		60.000		5.000	5.000		
3	Dự án Đường nối Quốc lộ 8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - Quốc lộ 15A, huyện Đức Thọ	952; 09/5/2022	85.000	70.000	17.500	17.500	17.500	17.500	18.850	17.500	70.000		17.500		20.000	20.000		
VII	GIAO THÔNG		2.594.716	1.645.000	632.223	630.623	632.223	630.623	715.496	685.623	1.630.000	-	665.623	-	649.377	549.377	-	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																	
1	Đường vào các xã Hà Lĩnh, Hương Thủy, Hương Giang, Lạc Yên, Hương Đô và Phúc Trạch, huyện Hương Khê (đoạn K15+642,72 đến K25+252,86)	2941/QĐ-UBND, 19/10/2016; 2304/QĐ-UBND, 31/7/2020, 2798; QĐ-UBND; 05/8/2021	100.725	80.000	25.000	25.000	25.000	25.000	93.823	80.000	65.000		60.000		5.000	5.000		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Lạc Yên - Đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Km39+030 - Km47+830)	2926; 17/8/2021	266.000	200.000	100.000	100.000	100.000	100.000	102.610	100.000	200.000		100.000		80.000	80.000		
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường nối Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	3243; 24/9/2021	90.000	75.000	46.600	45.000	46.600	45.000	46.600	45.000	75.000		45.000		30.000	30.000		
3	Dự án cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung đoạn từ đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung 01 đơn nguyên cầu Hộ Độ	2781; 03/8/2021	157.000	110.000	105.623	105.623	105.623	105.623	108.223	105.623	110.000		105.623		4.377	4.377		
4	Dự án Đường thị trấn Nghiên - Đồng Lạc, huyện Can Lộc	2937; 18/8/2021	185.000	120.000	90.000	90.000	90.000	90.000	91.600	90.000	120.000		90.000		30.000	30.000		
5	Đường giao thông liên xã An Hòa Thịnh - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	919; 04/5/2022	140.000	80.000	15.000	15.000	15.000	15.000	16.400	15.000	80.000		15.000		30.000	30.000		
6	Đường vành đai thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Tiên Sơn)	107; 13/01/2022	150.000	100.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.540	25.000	100.000		25.000		30.000	30.000		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bỏ tư vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước				
																Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
7	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	956; 09/5/2022	950.000	450.000	100.000	100.000	100.000	100.000	101.890	100.000	450.000		100.000		300.000	200.000		
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cẩm Thạch - Thạch Hội, huyện Cẩm Xuyên	344; 07/02/2022	124.991	100.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.960	40.000	100.000		40.000		30.000	30.000		
9	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biển giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	903; 04/5/2022	185.000	140.000	25.000	25.000	25.000	25.000	26.200	25.000	140.000		25.000		50.000	50.000		
10	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	731; 07/4/2022	164.000	120.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.700	40.000	120.000		40.000		40.000	40.000		
11	Dự án Đường từ Thị trấn Đức Thọ đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	684; 31/3/2022	82.000	70.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.950	20.000	70.000		20.000		20.000	20.000		
VIII	DU LỊCH		314.592	266.042	65.000	65.000	65.000	65.000	66.070	65.000	180.000	-	65.000	-	70.000	70.000	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng khu du lịch Nam Thiên Cẩm huyện Cẩm Xuyên	857; 26/4/2022	176.042	176.042	45.000	45.000	45.000	45.000	45.670	45.000	90.000		45.000		30.000	30.000		
2	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	827; 21/4/2022	138.550	90.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.400	20.000	90.000		20.000		40.000	40.000		
IX	DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯỜNG VEN BIỂN		1.437.405	1.000.000	435.000	285.000	435.000	285.000	439.250	285.000	1.000.000	-	285.000	-	390.000	300.000	-	
a	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																	
1	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	755; 12/4/2022	1.437.405	1.000.000	435.000	285.000	435.000	285.000	439.250	285.000	1.000.000		285.000		390.000	300.000		

Phụ lục 3: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư					
													Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			
TỔNG SỐ			1.023.326	810.000	-	-	-	-	-	810.000	-	-	-	810.000	-		
I	NGÀNH GIAO THÔNG		668.826	500.000	-	-	-	-	-	500.000	-	-	-	500.000	-		
1	Dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	74/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	668.826	500.000	-	-	-	-	-	500.000	-	-	-	500.000	-	Đề xuất đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn của Chương trình trong năm 2023 theo Văn bản số 5035 của Bộ KHĐT	
II	PHÒNG, CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG BỜ BIỂN, ĐẢM BẢO AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHÁC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI		90.000	80.000	-	-	-	-	-	80.000	-	-	-	80.000	-		
1	Kê bảo vệ bờ sông Ngàn sâu đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	74/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	90.000	80.000	-	-	-	-	-	80.000	-	-	-	80.000	-		
III	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ		264.500	230.000	-	-	-	-	-	230.000	-	-	-	230.000	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh		193.000	169.000						169.000				169.000			
2	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 19 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hà Tĩnh		71.500	61.000						61.000				61.000			

Phụ lục 04: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Năm 2022			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
			TMĐT						Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Quy đổi ra tiền Việt															
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																			
	TỔNG SỐ		5.400.131	1.152.852	204.295	4.247.270	3.069.254	1.178.016	446.588	60.000	386.588	3.034.600	155.000	2.879.600	1.220.492	90.000	1.130.492	606.603	30.000	576.603	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		5.400.131	1.152.852	204.295	4.247.270	3.069.254	1.178.016	446.588	60.000	386.588	3.034.600	155.000	2.879.600	1.220.492	90.000	1.130.492	606.603	30.000	576.603	
I	ĐÔ THỊ		2.800.271	590.616	-	2.209.647	1.586.615	623.032	130.000	-	130.000	1.586.615	-	1.586.615	314.206	-	314.206	340.000	-	340.000	
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																				
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.070		956.040	573.624	382.416	120.000		120.000	573.624	-	573.624	187.000		187.000	100.000		100.000	
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047		673.850	544.133	129.717	5.000	-	5.000	544.133		544.133	59.206		59.206	150.000		150.000	
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499		579.757	468.858	110.899	5.000	-	5.000	468.858		468.858	68.000		68.000	90.000		90.000	
II	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		181.254	28.145	-	153.109	122.487	30.622	21.719	-	21.719	121.127	-	121.127	77.060	-	77.060	30.000	-	30.000	
I	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư							Năm 2022			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú	
		Số quyết định	TMĐT						Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)
							Đơn vào cân đối NSTW	Vay lại													
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145		153.109	122.487	30.622	21.719		21.719	121.127		121.127	77.060		77.060	30.000		30.000	
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		963.595	133.413	21.708	830.181	726.513	103.668	142.550	-	142.550	691.777	-	691.777	338.374	-	338.374	139.374	-	139.374	
I	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																				
(1)	Dự án thành phần Sứu chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	-	458.875	390.044	68.831	70.550		70.550	356.748	-	356.748	262.374	-	262.374	94.374	-	94.374	
(2)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	21.708	371.306	336.469	34.837	72.000		72.000	335.029		335.029	76.000		76.000	45.000		45.000	
IV	GIAO THÔNG		1.378.583	391.011	182.587	987.571	566.877	420.694	128.319	60.000	68.319	568.319	155.000	413.319	441.319	90.000	351.319	80.000	30.000	50.000	
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																				
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	182.587	987.571	566.877	420.694	128.319	60.000	68.319	568.319	155.000	413.319	441.319	90.000	351.319	80.000	30.000	50.000	
V	Y TẾ		76.429	9.667	-	66.762	66.762	-	24.000	-	24.000	66.762	-	66.762	49.533	-	49.533	17.229	-	17.229	
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																				
(1)	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	762/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	76.429	9.667		66.762	66.762		24.000		24.000	66.762		66.762	49.533		49.533	17.229		17.229	

Phụ lục 05: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/12/2022			Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021,2022		Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Tổng số			Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số				Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
TỔNG SỐ																	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			534.560	258.560	534.560	258.560	534.560	258.560	959.224		283.914		620.000	310.000		
a	Chỉ đầu tư			271.460	207.100	271.460	207.100	263.100	207.100	702.410		207.100		310.000	250.000		
b	Chỉ thường xuyên			271.460	51.460	271.460	51.460	271.460	51.460	256.814		76.814		310.000	60.000		
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		30.000	12.007	37.081	31.443	37.081	31.443	37.081	31.443	12.007	1.041	31.443	1.041	92.175	77.500	
a	Chỉ đầu tư		30.000	12.007	1.041	1.041	1.041	1.041	1.041	1.041	12.007	1.041	1.041	1.041	4.400	4.000	
	Dự án đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm tại Thành phố Hà Tĩnh		30.000	12.007	1.041	1.041	1.041	1.041	1.041	1.041	12.007	1.041	1.041	1.041	4.400	4.000	
b	Chỉ thường xuyên				36.040	30.402	36.040	30.402	36.040	30.402			30.402	-	87.775	73.500	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo				12.144	11.040	12.144	11.040	12.144	11.040			11.040		34.500	30.000	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				5.254	4.776	5.254	4.776	5.254	4.776			4.776		19.550	17.000	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				12.414	8.924	12.414	8.924	12.414	8.924			8.924		19.800	17.000	
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin				959	872	959	872	959	872			872		4.025	3.500	
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình				5.269	4.790	5.269	4.790	5.269	4.790			4.790		9.900	6.000	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				8.672	8.672	8.672	8.672	6.253	6.253	34.552	-	8.672	-	12.963	12.963	
a	Chỉ đầu tư				6.253	6.253	6.253	6.253	6.253	6.253	34.552	-	6.253	-	10.302	10.302	-

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021,2022		Tổng số (ngân sách trung ương tính)		Trong đó: NSTW
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư					
													Tổng số	Trong đó: NSTW			
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			6.253	6.253	6.253	6.253	6.253	6.253	34.552		6.253		10.302	10.302		
b	Chỉ thường xuyên			2.419	2.419	2.419	2.419	-	-	-	-	2.419	-	2.661	2.661		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			9	9	9	9					9		10	10		
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc			130	130	130	130					130		143	143		
3	Dự án 5: Phát triển đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			235	235	235	235					235		259	259		
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			787	787	787	787					787		866	866		
5	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			42	42	42	42					42		46	46		
6	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			1.216	1.216	1.216	1.216					1.216		1.338	1.338		

Phụ lục 06: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022			
	TỔNG SỐ				7.452.947	1.407.947	1.691.000	1.500.000		
A	Phần huyện, xã hưởng				6.129.385	1.329.385	1.295.401	1.125.000		
B	Phần tỉnh hưởng				1.323.562	78.562	395.599	375.000		
I	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất				100.000	-	50.000	30.000		
II	Dự kiến hoàn trả chi phí đầu tư theo đề án phát triển quỹ đất				256.500	16.500	38.500	35.000		
III	Thực hiện hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				127.062	27.062	24.099	37.500		
IV	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				225.000	35.000	50.000	42.500		
V	Đối ứng kinh phí thực hiện các Đề án đầu tư phát triển				80.000	-	32.000	30.000		
1	Các dự án thực hiện Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2026				60.000		12.000	30.000		
VI	Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương				3.140.278	1.290.278	535.000	-	201.000	200.000

STT	Tên mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số nguồn vốn)	Tổng số các vốn NSDP	Tổng số	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
		TMBT	Tổng số vốn NSDP	Đã bỏ tài kế hoạch năm 2021	Đã bỏ tài kế hoạch năm 2022				
1	Dường trục chính trung tâm nội Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	16/NQ-HBND ngày 17/7/2021	1.437.416	437.416	200.000	-	150.000	45.000	
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn Thiên Cẩm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	268/QĐ- BGT/VT; 03/03/2022	1.076.000	226.000	130.000		20.000	60.000	
3	Dự án xây dựng đường hầm Nghi kéo dài	3499; 22/10/2021	386.000	386.000	100.000	-	30.000	70.000	
4	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Tĩnh	113/NQ- HBND ngày 13/12/2018	240.862	240.862	105.000		1.000	25.000	

Phụ lục 07: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XDCB TẬP TRUNG BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022		
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
	TỔNG SỐ			6.809.231	1.607.060	824.835	5.202.170	84.767	52.862	83.767	265.388	42.000	84.767	105.000	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC			6.809.231	1.607.060	824.835	5.202.170	84.767	52.862	83.767	265.388	42.000	84.767	105.000	
I	ĐÔ THỊ			2.800.271	590.624	382.720	2.209.647	29.500	16.500	29.500	105.000	10.000	29.500	60.879	
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>														
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	7816361	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.079	141.539	956.040	11.500	11.500	11.500	40.000	5.000	11.500	20.000	
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	7786649	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	124.633	673.850	10.000		10.000	35.000	3.000	10.000	20.879	
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	7853204	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499	116.548	579.757	8.000	5.000	8.000	30.000	2.000	8.000	20.000	
II	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			181.254	28.145	28.145	153.109	5.500	3.095	5.500	18.000	3.000	5.500	7.500	

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao				Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023	Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022			
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023														
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	7749219	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	28.145	153.109	5.500	3.095	5.500	18.000	3.000	5.500	7.500	
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			2.095.995	517.913	222.408	1.578.081	31.717	21.217	31.717	77.000	17.000	31.717	23.283	
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022														
(1)	Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt của tỉnh Hà Tĩnh"	7501924	281/QĐ-TTg 01/3/2017; 35/QĐ-TTg 10/01/2018; 223/QĐ-TTg ngày 30/12/2021; 1315/QĐ-UBND 17/5/2017	667.800	333.900	60.102	333.900	13.000	6.000	13.000	25.000	6.000	13.000	6.000	
(2)	Tiểu dự án tại tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung	7676514	849/QĐ-UBND 30/3/2017; 1155/QĐ-UBND 28/4/2017	464.600	50.600	50.600	414.000	10.717	10.717	10.717	20.000	6.000	10.717	3.283	
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023														
(1)	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8).	7523419	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	25.425	458.875	4.000	2.500	4.000	7.000	2.500	4.000	500	

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XD CB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XD CB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XD CB tập trung năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022		
					Tổng số	Vốn đối ứng									
				Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh										
(2)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	7760648	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	86.281	371.306	4.000	2.000	4.000	25.000	2.500	4.000	13.500	
IV	GIAO THÔNG			1.655.283	460.711	184.174	1.194.571	15.050	12.050	15.050	58.000	12.000	15.050	8.950	
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023														
(1)	Dự án xây dựng cầu dân sinh, quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	7593697	622/QĐ-BGTVT 02/3/2016	276.700	69.700	69.700	207.000	8.050	8.050	8.050	18.000	6.000	8.050	3.950	
2	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023														
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIG2	7544621	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	114.474	987.571	7.000	4.000	7.000	40.000	6.000	7.000	5.000	
V	Y TẾ			76.429	9.667	7.388	66.762	3.000	-	2.000	7.388	-	3.000	4.388	
I	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023														

TT	Dan h mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022		
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
(1)	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	7840762	Số 2209/QĐ-UBND ngày 07/8/2017; điều chỉnh số 726/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh	76.429	9.667	7.388	66.762	3.000		2.000	7.388	-	3.000	4.388	

Phụ lục 8: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bổ tri từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
					Năm 2021	Năm 2022					
	TỔNG SỐ			2.317.130	244.350	1.507.539	1.357.539	18.000	188.500	1.170.000	
A	VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN						1.344.080	238.436	238.436	510.000	
B	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ			2.317.130	244.350	1.507.539	1.357.539	18.000	188.500	660.000	
B.1	VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CẤP TỈNH						30.000		9.000	5.000	
B.2	DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH			1.163.630	218.850	659.965	559.965	17.000	155.000	300.000	
I	QUỐC PHÒNG			143.376	36.000	28.000	28.000	9.000	10.000	9.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh và Đôn 575, Bản Giảng)	7560941	790; 31/3/2016	143.376	36.000	28.000	28.000	9.000	10.000	9.000	
II	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI			26.000	10.000	23.400	23.400	-	10.000	13.400	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Trụ sở làm việc Đội Tuần tra kiểm soát giao thông Quốc lộ 8A thuộc phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	26.000	10.000	23.400	23.400		10.000	13.400	
III	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			93.800	10.000	85.000	85.000	-	10.000	35.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSEP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
					Năm 2021	Năm 2022					
1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	93.800	10.000	85.000	85.000		10.000	35.000	
IV	VĂN HÓA, THÔNG TIN			14.850	19.850	13.365	13.365	-	5.000	8.365	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Xây dựng di tích Làng K130 xã Tiến Lộc (nay là thị trấn Nghèn)		3751; 18/11/2021	14.850	19.850	13.365	13.365		5.000	8.365	
V	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN			55.000	10.000	49.500	49.500	-	10.000	25.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Số hóa, tin học hóa và phát sóng qua vệ tinh (giai đoạn 3)		1465; 19/7/2022	55.000	10.000	49.500	49.500		10.000	25.000	
VI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			124.616	30.000	82.800	82.800	-	30.000	39.735	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Trung tâm chính trị huyện Kỳ Anh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	35.000	10.000	31.500	31.500		10.000	14.735	
2	Xây dựng Trung tâm Hội nghị trực tuyến, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh; nâng cấp sửa chữa Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khuôn viên Trụ sở làm việc Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	89.616	20.000	51.300	51.300		20.000	25.000	
VII	GIAO THÔNG			386.000	37.000	207.000	107.000	7.000	30.000	70.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài		3499; 22/10/2021	386.000	37.000	207.000	107.000	7.000	30.000	70.000	
VIII	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ			263.988	50.000	120.500	120.500	-	35.000	74.500	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
						Năm 2021	Năm 2022				
a	Dự án chuyển tiếp										
1	Hạ tầng kỹ thuật khu vực cổng A, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện Hương Sơn	7649786	3204; 31/10/2017	164.000	30.000	30.000	30.000		15.000	4.000	
2	Chính trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Vũng Áng 1		945; 06/5/2022	41.488	10.000	37.500	37.500		10.000	27.500	
3	Xử lý ngập úng tại Khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân		1005; 13/5/2022	58.500	10.000	53.000	53.000		10.000	43.000	
IX	DU LỊCH			56.000	16.000	50.400	50.400	1.000	15.000	25.000	
a	Dự án chuyển tiếp										
1	Quảng trường biển Cửa Sốt Lộc Hà		269/NQ-HĐND; 18/3/2021 27/NQ-HĐND; 06/11/2021	56.000	16.000	50.400	50.400	1.000	15.000	25.000	
B.3	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG, CẤP BÁCH, PHỤC VỤ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG			1.153.500	25.500	847.574	767.574	1.000	24.500	355.000	
I	Dự án chuyển tiếp			87.000	20.000	78.500	78.500	-	20.000	30.000	
1	Đường huyện lộ ĐH56 đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ		955; 09/5/2022	87.000	20.000	78.500	78.500		20.000	30.000	
II	Dự án khởi công mới			1.066.500	5.500	769.074	689.074	1.000	4.500	325.000	
1	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	234.000	500	200.000	120.000		500	80.000	
2	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	100.000	500	75.000	75.000		500	30.000	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
Năm 2021	Năm 2022										
3	Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	125.000	500	90.000	90.000		500	30.000	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH36 (Chợ Đình - Quán Trại), huyện Can Lộc		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	100.000	500	60.000	60.000		500	30.000	
5	Cầu Hóp Chuối, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	120.000	1.500	76.000	76.000	1.000	500	40.000	
6	Đường giao thông trục chính nối các xã sát nhập xã Kim Hoa, huyện Hương Sơn		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	82.500	500	55.000	55.000		500	40.000	
7	Trung tâm văn hóa truyền thống huyện Kỳ Anh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	75.000	500	45.100	45.100		500	10.000	
8	Đường giao thông Huyện lộ ĐH.116, đoạn Mai Phụ - Ích Hậu, huyện Lộc Hà		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	110.000	500	75.000	75.000		500	35.000	
9	Đường LX03 đoạn từ Thiên Cẩm đến xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	120.000	500	92.974	92.974		500	30.000	

Phụ lục 9: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2023*(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP			Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Số còn lại giai đoạn 2023-2025		
	TỔNG SỐ		21.000	21.000	5.000	44.000	4.000	11.000	29.000	10.000	
I	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		21.000	21.000	5.000	19.000	-	5.000	14.000	5.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Nhà ký túc xá học sinh, Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Tĩnh	1132; 02/6/2022	21.000	21.000	5.000	19.000		5.000	14.000	5.000	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					25.000	4.000	6.000	15.000	5.000	

Phụ lục 10: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 320/BC-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2023		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp									
	TỔNG SỐ						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000	-		
A	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP (Viện phí, bảo hiểm...)						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000	-		
I	Ngành, Lĩnh vực Y tế						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000			
a	Các dự án khởi công mới năm 2023						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000			
1	Dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Nhóm C	Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP Hà Tĩnh		2023-2023		10.000	10.000							10.000	10.000	10.000	10.000			